

Bản án số: 18/2021/HNGĐ - ST

Ngày 13/4/2021

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Hạnh Quỳnh

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Tường Thị Thu và bà Ma Khánh Ly

*Thư ký Tòa án:* Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:* Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 415/2020/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

\* *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

*(các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2020, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị V qua tự nguyện, tự do tìm hiểu đã chung sống từ năm 2002 và đăng ký kết hôn tại UBND xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 10/12/2002. Anh T và chị V được gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục tập quán tại địa phương và chung sống tại thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống hạnh phúc được đến cuối năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh Tiến cho rằng do chị V đi làm công nhân tại Hải Phòng, ít có thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, vợ chồng thiếu sự tin tưởng lẫn nhau nên đã dẫn tới cãi vã, đánh đập, xô xát. Vợ chồng anh

T chị V đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 cho đến nay. Anh T xác định tình cảm đã không còn và mâu thuẫn đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với chị Hoàng Thị V.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị V có 02 con là Hoàng Văn D, sinh ngày 23/6/2003 và Hoàng Văn Q, sinh ngày 29/11/2005, sau khi ly hôn các con ở với ai thì tùy thuộc vào nguyện vọng của các cháu, nếu các con có nguyện vọng ở với anh T thì anh T không yêu cầu chị Viện phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải lần 01 và lần 02 nhưng bị đơn chị Hoàng Thị V đều vắng mặt không có lý do. Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/3/2021 và đơn trình bày ý kiến ghi ngày 08/01/2021, bị đơn chị Hoàng Thị V nêu quan điểm:*

- Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị V xác nhận về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa chị và anh Hoàng Văn T đúng như anh Tiến đã trình bày nêu trên; vợ chồng anh chị sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T và chị V không cùng quan điểm sống, chị V đi làm công nhân xa nhà, anh T không có sự tin tưởng mà luôn có thái độ nghi ngờ, ghen tuông, dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Nay anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị V nhất trí ly hôn để giải phóng cuộc sống chung cho nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Xác nhận quá trình chung sống có 02 con là Hoàng Văn D, sinh ngày 23/6/2003 và Hoàng Văn Q, sinh ngày 29/11/2005; chị V nhất trí để anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hoàng Văn T vẫn giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải; anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị Hoàng Thị V không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; về con chung: Anh T có nguyện vọng là người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 23/6/2003 (theo nguyện vọng của con) và cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 29/11/2005 sẽ do chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Anh T và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị Hoàng Thị V không nhất trí ly hôn mong muốn vợ chồng được đoàn tụ; về con chung: Trong trường hợp phải ly hôn thì chị nhất trí để anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn D, chị V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn Q và không phát sinh nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản

chung: Chị V yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung giữa chị và anh T gồm 01 ngôi nhà xây đang được xây dựng dở dang tại thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa; Về nợ chung: không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện chưa đầy đủ về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 227, 143, 144, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T; Cho anh Hoàng Văn T ly hôn với chị Hoàng Thị V, không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của chị V; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con, anh Tiến là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 23/6/2003, chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 29/11/2005. Anh T chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn; Về tài sản chung: Căn cứ theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét giải quyết trong vụ án này; Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, do vậy không đề cập giải quyết; Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định và các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho ly hôn với chị Hoàng Thị V, giải quyết về tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; chị Hoàng Thị V có hộ khẩu thường trú tại thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị V là hợp pháp, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện Chiêm Hóa. Sau khi kết hôn, anh T và chị V chung sống tại thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh T và chị V đều xác nhận quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân là không cùng quan điểm sống, xảy ra nghi ngờ, ghen tuông, không có sự cảm thông chia sẻ nên vợ chồng xảy ra nhiều cãi vã. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay và kể từ khi ly thân thì không còn quan tâm đến nhau nữa. Tại phiên tòa anh T giữ nguyên quan điểm xin ly hôn chị V vì xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết,

mâu thuẫn đã trầm trọng, chị V không nhất trí ly hôn mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua điều tra xác minh cũng như kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị V đã rất trầm trọng. Tại các biên bản xác minh ngày 15/3/2021 (BL số 45, 46, 47) thấy rằng anh T và chị V đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2019 đến nay và kể từ khi ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm yêu thương chăm sóc đối với nhau, mâu thuẫn giữa anh T và chị V thực sự đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị V không nhất trí ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn được đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng là không đúng thực tế, việc chị V không nhất trí ly hôn và xin đoàn tụ không phải xuất phát từ sự yêu thương thực sự mà chỉ muốn ràng buộc nhau. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị V; Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của chị V là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Anh T và chị V có 02 con là Hoàng Văn D, sinh ngày 23/6/2003 và Hoàng Văn Q, sinh ngày 29/11/2005, tại phiên tòa anh T và chị V thống nhất thỏa thuận: Anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 23/6/2003, chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 29/11/2005; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận giữa anh T và chị V, anh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 23/6/2003; chị V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 29/11/2005. Anh T và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án anh T và chị V tự thỏa thuận phân chia về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tại phiên tòa chị V yêu cầu phân chia về tài sản chung gồm 01 ngôi nhà đang được xây dựng dở dang tại thôn AP, xã TT, huyện Chiêm Hóa; Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết và trước phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị V không có yêu cầu và không có đơn, tại phiên tòa có yêu cầu nên HĐXX căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự không xem xét giải quyết yêu cầu của chị V trong vụ án này, mà sẽ xem xét giải quyết trong một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Không có, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, chị Hoàng Thị V không phải chịu án phí theo quy định, (hộ gia đình anh Hoàng Văn T thuộc diện hộ cận nghèo của xã năm 2020, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định của pháp luật, tuy

nhiên nguyên đơn anh T không có đơn đề nghị do vậy không xem xét miễn án phí cho anh T).

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 143, 144, 147, 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

#### **Xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Hoàng Văn T; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của chị Hoàng Thị V, cho anh Hoàng Văn T được ly hôn với chị Hoàng Thị V.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Hoàng Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 23/6/2003; chị Hoàng Thị V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Văn Q, sinh ngày 29/11/2005. Anh T và chị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh T đã nộp 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên lai số 0002991 ngày 22/12/2020 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn (Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/4/2021)/.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã TT;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lâm Hạnh Quỳnh**